GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ THÁNG 3/2024

Colun	Column4	Column5	Column6	Column7	Column8	Column9	Column10	Column11	Column12	Column13	Column14	Column15	Column16	Column17
											Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Bê tông thương phẩm	Bê tông nhựa nóng C19	Tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	Việt Nam		Giá bán, giao tại trạm huyện Gò Dầu				1.300.000	
	Bê tông thương phẩm	Bê tông nhựa nóng C12,5	Tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	Việt Nam		Giá bán, giao tại trạm huyện Gò Dầu				1.355.000	
	Bê tông thương phẩm	Bê tông nhựa nóng C9,5	Tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	Việt Nam		Giá bán, giao tại trạm huyện Gò Dầu				1.400.000	
	Bê tông đúc sẵn	Cống miệng thăng Đúng quy cách, H10-X60, Đường kính 600 mm	m	TC: 22TCN 159-86	L=4 m/1 cái, bề dày 8 cm	CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán,giao tại nhà máy huyện Châu Thành			533.333		
	Bê tông đúc sẵn	Cống miệng thăng Đúng quy cách, H10-X60, Đường kính 400 mm	m	TC: 22TCN 159-86	L=4 m/1 cái, bề dày 5 cm	CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán,giao tại nhà máy huyện Châu Thành			346.296		
	Bê tông đúc sẵn	Cống miệng Âm dương đúng quy cách, H10-X60, Đường kính 1000 mm	m	TC: 22TCN 159-86	L=4 m/1 cái, bề dày 10 cm	CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán,giao tại nhà máy huyện Châu Thành			1.259.259		
	Bê tông đúc sẵn	Cống miệng Âm dương đúng quy cách, H10-X60, Đường kính 800 mm	m	TC: 22TCN 159-86	L=4 m/1 cái, bề dày 8,4 cm	CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán,giao tại nhà máy huyện Châu Thành			826.852		
	Bê tông đúc sẵn	Cống miệng Loe Đúng quy cách, H30-XB80, Đường kính 2000 mm	m	TC: 22TCN 159-86	L=3 m/1 cái, bề dày 16 cm	CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán,giao tại nhà máy huyện Châu Thành			4.623.148		
	Bê tông đúc sẵn	Cống miệng Loe Đúng quy cách, H30-XB80, Đường kính 1500 mm	m	TC: 22TCN 159-86	L=3 m/1 cái, bề dày 14 cm	CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán,giao tại nhà máy huyện Châu Thành			2.916.667		
	Bê tông đúc sẵn	Cống miệng Loe Đúng quy cách, H30-XB80, Đường kính 1200 mm	m	TC: 22TCN 159-86	L=3 m/1 cái, bề dày 12 cm	CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán,giao tại nhà máy huyện Châu Thành			2.128.704		
	Bê tông đúc sẵn	Cống miệng Loe Đúng quy cách, H30-XB80, Đường kính 1000 mm	m	TC: 22TCN 159-86	L=4 m/1 cái, bề dày 10 cm	CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán,giao tại nhà máy huyện Châu Thành			1.329.630		
	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT Ø300 VH-4m	m	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến huyện Gò Dầu và TP. Tây Ninh	VC xe 30 tấn	292.521		292.521	
	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT Ø400 VH-4m	m	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến huyện Gò Dầu và TP. Tây Ninh	VC xe 30 tấn	350.817		350.817	
	Bê tông đúc sẵn	Gối Cống BTLT Þ300	cái	TCVN 10799:2015		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến huyện Gò Dầu và TP. Tây Ninh	VC xe 30 tấn	132.635		132.635	
	Bê tông đúc sẵn	Gối Cống BTLT Þ400	cái	TCVN 10799:2015		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến huyện Gò Dầu và TP. Tây Ninh	VC xe 30 tấn	145.850		145.850	
	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (1.0x1.0)mx1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến huyện Gò Dầu và TP. Tây Ninh	VC xe 30 tấn	4.296.067		4.296.067	
	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (1.2x1.2)mx1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến huyện Gò Dầu và TP. Tây Ninh	VC xe 30 tấn	4.964.831		4.964.831	
	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (1.6x1.6)mx1.2m	cái	TCVN 9116:2012		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến huyện Gò Dầu và TP. Tây Ninh	VC xe 30 tấn	8.244.134		8.244.134	
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic không mài cạnh, nhóm BIIb 25x25cm	m^2	TCVN 7745:2007		Công ty Cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		99.510	99.510	99.510	99.510
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic mài cạnh, hiệu ứng bề mặt nhóm BIIb 30x30cm	m^2	TCVN 7745:2007		Công ty Cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		252.520	252.520	252.520	252.520
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh, nhóm BIII 30x45cm	m^2	TCVN 7745:2007		Công ty Cổ phần Prime Đại Việt	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		133.750	133.750	133.750	133.750

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh, nhóm BIII 40x80cm	m^2	TCVN 7745:2007		Công ty Cổ phần Prime Đại Việt	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		273.920	273.920	273.920	273.920
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic không mài cạnh, nhóm BIIb 40x40cm	m^2	TCVN 7745:2008		Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		98.440	98.440	98.440	98.440
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic men bóng, không mài cạnh, nhóm BIIb 20x40cm	m^2	TCVN 7745:2008		Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		156.220	156.220	156.220	156.220
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic, khuân dị hình, không mài cạnh, nhóm BIIb 20x40cm	m^2	TCVN 7745:2008		Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		211.860	211.860	211.860	211.860
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic mài cạnh kỹ thuật số, nhóm BIIa 50x50cm	m^2	TCVN 7745:2008		Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		123.050	123.050	123.050	123.050
	Gạch ốp lát	Gạch ceramic mài cạnh, nhóm BIIa 50x50cm	m^2	TCVN 7745:2008		Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		112.350	112.350	112.350	112.350
	Gạch ốp lát	Gạch porcelain mài cạnh, nhóm BIb 50x50cm	m^2	TCVN 7745:2008		Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		160.500	160.500	160.500	160.500
	Gạch ốp lát	Gạch porcelain men bóng, mài cạnh, nhóm BIa 60x60cm	m^2	TCVN 7745:2009		Công ty Cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		242.890	242.890	242.890	242.890
	Gạch ốp lát	Gạch porcelain cao cấp, men mờ, mài cạnh, nhóm BIa 60x60cm	m^2	TCVN 7745:2009		Công ty Cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		273.920	273.920	273.920	273.920
	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo (400x400x30) mm	m^2	TCVN 7744 : 2013	(400x400x30) mm, lớp mặt dày 8mm, màu đỏ	Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại TP. Tây Ninh và H. Gò Dầu		101.852		101.852	
	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo (400x400x30) mm	m^2	TCVN 7744 : 2013	(400x400x30) mm, lớp mặt dày 8mm, màu vàng	Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại TP. Tây Ninh và H. Gò Dầu		100.926		100.926	
	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xám và màu đỏ	m^2	QCVN 16:2019/BXD	400x400x30 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		63.636			
	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xanh và màu vàng	m^2	QCVN 16:2019/BXD	400x400x30 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		65.455			
	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xám và màu đỏ	m^2	QCVN 16:2019/BXD	600x300x30 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		81.818			
	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1 màu xanh và màu vàng	m^2	QCVN 16:2019/BXD	600x300x30 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Giá bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		86.364			
	Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên	TCVN 1450:2009	80 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	Việt Nam		Giá bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		833			
	Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 1450:2009	40 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	Việt Nam		Giá bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		833			
	Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên	TCVN 1450:2009	80 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Minh Tân	Việt Nam		Giá bán, giao hàng tại nhà máy huyện Gò Dầu				950	
	Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 1450:2009	40 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Minh Tân	Việt Nam		Giá bán, giao hàng tại nhà máy huyện Gò Dầu				950	
	Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên		80 x 80 x 180 mm	Công ty CP ĐTXD COSINCO Bến Cầu (phiếu khảo sát tại cửa hàng Cty CP ĐTXD COSINCO)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí v/c tại trung tâm huyện Bến Cầu			790		
	Gạch xây	Gạch mi	viên		80 x 80 x 180 mm	Công ty CP ĐTXD COSINCO Bến Cầu (phiếu khảo sát tại cửa hàng Cty CP ĐTXD COSINCO)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí v/c tại trung tâm huyện Bến Cầu			400		
	Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên		80 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Phiếu khảo sát tại cửa hàng Cty Hải Đăng Khoa)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí v/c tại trung tâm huyện Bến Cầu			790		

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên		80 x 80 x 180 mm	Công ty CP ĐTXD COSINCO Bến Cầu (phiếu khảo sát tại cửa hàng Cty CP ĐTXD COSINCO)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí v/c tại trung tâm huyện Bến Cầu			790		
	Gạch xây	Gạch mi	viên		80 x 80 x 90 mm	Công ty CP ĐTXD COSINCO Bến Cầu (phiếu khảo sát tại cửa hàng Cty CP ĐTXD COSINCO)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí v/c tại trung tâm huyện Bến Cầu			400		
	Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên		40 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Phiếu khảo sát tại cửa hàng Cty Hải Đăng Khoa)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí v/c tại trung tâm huyện Bến Cầu			790		
	Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên		80 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Toàn Tâm- Nhà cung vấp DNTN SX gạch Tuynel Hoàng Bảo Trâm (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí trong địa bàn trung tâm huyện Châu Thành			930		
	Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên		40 x 80 x 180 mm	Công ty TNHH Toàn Tâm- Nhà cung vấp DNTN SX gạch Tuynel Hoàng Bảo Trâm (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí trong địa bàn trung tâm huyện Châu Thành			920		
	Gạch xây	Gạch rỗng 4 lỗ	viên		80 x 80 x 180 mm	Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ - Nhà cung cấp cơ sở gạch Hoàng Gia (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí trong địa bàn trung tâm TP. Tây Ninh		850			
	Gạch xây	Gạch rỗng 2 lỗ	viên		40 x 80 x 180 mm	Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ - Nhà cung cấp cơ sở gạch Hoàng Gia (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí trong địa bàn trung tâm TP. Tây Ninh		850			
	Gạch xây	Gạch mi	viên		80 x 80 x 90 mm	Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ - Nhà cung cấp cơ sở gạch Hoàng Gia (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm chi phí trong địa bàn trung tâm TP. Tây Ninh		430			
	Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch ống 4 lỗ	viên	QCVN 16:2019/BXD	80x80x180 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Gia bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		1.273			
	Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch thẻ đặc	viên	QCVN 16:2019/BXD	40x80x180 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Gia bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		1.182			
	Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch xây dựng Block T10	viên	QCVN 16:2019/BXD	90x190x390 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Gia bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		5.455			
	Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch xây dựng Block T20	viên	QCVN 16:2019/BXD	190x190x390 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Gia bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		10.909			
	Gạch xây	Gạch bê tông cốt liệu: Gạch2 lỗ	viên	QCVN 16:2019/BXD	80x80x180 mm	Công ty TNHH SX Vật liệu XD Đại Thắng	Việt Nam		Gia bán, giao hàng tại nhà máy TX. Hòa Thành		1.091			
	Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch chữ I màu xám 195x160x60mm, M200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại TP. Tây Ninh và H. Gò Dầu		115.741		115.741	
	Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch chữ I màu vàng, đỏ 195x160x60mm, M200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại TP. Tây Ninh và H. Gò Dầu		121.296		121.296	
	Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sâu màu xám 220x110x60mm, M200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại TP. Tây Ninh và H. Gò Dầu		114.537		114.537	
	Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sâu màu vàng, đỏ 220x110x60mm, M200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại TP. Tây Ninh và H. Gò Dầu		120.093		120.093	
	Gạch xây	Gạch Bê Tông Tự Chèn : Gạch con sâu màu xám ghi 220x110x60mm, M200	m2	TCVN 6476: 1999		Công ty Cổ phần CIC39	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại TP. Tây Ninh và H. Gò Dầu		119.352		119.352	
	Sơn	Bột trét tường: Bột NIPPON INTER **nội thất**	Kg		40 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		351.000			
	Sơn	Bột trét tường: Bột NIPPON WEATHERBOND **ngoại thất**	Kg		40 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		405.000			

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Sơn	Sơn lót kiềm: Nippon Matex Sealer **nội thất**	Kg		27 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		1.445.400			
	Sơn	Sơn lót kiềm: Nippon Supermatex Sealer **ngoại thất**	Kg		27 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		2.259.000			
	Sơn	Sơn phủ nội thất: Nippon Odour-Less kháng khuẩn	Kg		21 kg	Công ty TNHH TMDV & XNK Phú Sĩ 1 (NPP của Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại địa bàn TX. Hòa Thành		2.753.100			
	Sơn	Sơn nội thất: Skimcoat nội thất	Bao	TCVN 6934:2001	40 Kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		492.000	492.000	492.000	492.000
	Sơn	Sơn nội thất: Matex Sealer	Thùng	TCCS 087:2018/NPV	17 L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		1.559.000	1.559.000	1.559.000	1.559.000
	Sơn	Sơn nội thất: Matex Sealer	Thùng	TCCS 087:2018/NPV	5 L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		493.000	493.000	493.000	493.000
	Sơn	Sơn nội thất: Odour - Less Sealer	Thùng	TCCS 048:2011/NPV	18 L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000
	Sơn	Sơn nội thất: Odour - Less Sealer	Thùng	TCCS 048:2011/NPV	5 L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)	Việt Nam		Giao tại chân công trình tỉnh Tây Ninh		942.000	942.000	942.000	942.000
	Sơn	Sơn ngoại thất: RINGO - Naga chống nấm mốc rong rêu (1 lít)	Lít	14-16m^2/L/L		Công ty TNHH MTV TM & DV sơn Huỳnh Minh (NPP của Cty TNHH Sơn Ringo Việt Nam)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý: Huỳnh Đông (Gò Dầu), Thế Hùng (Tân Biên), Phát Hồ (Trảng Bàng)		286.364		286.364	286.364
	Sơn	Sơn ngoại thất: RINGO - Naga chống nấm mốc rong rêu (5 lít)	Lon	14-16m^2/L/L		Công ty TNHH MTV TM & DV sơn Huỳnh Minh (NPP của Cty TNHH Sơn Ringo Việt Nam)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý: Huỳnh Đông (Gò Dầu), Thế Hùng (Tân Biên), Phát Hồ (Trảng Bàng)		1.290.909		1.290.909	1.290.909
	Sơn	Sơn ngoại thất: RINGO - Naga Che lấp khe nứt (1 lít)	Lít	12-14m^2/L/L		Công ty TNHH MTV TM & DV sơn Huỳnh Minh (NPP của Cty TNHH Sơn Ringo Việt Nam)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý: Huỳnh Đông (Gò Dầu), Thế Hùng (Tân Biên), Phát Hồ (Trảng Bàng)		150.000		150.000	150.000
	Sơn	Sơn ngoại thất: RINGO - Naga Che lấp khe nứt (5 lít)	Lon	12-14m^2/L/L		Công ty TNHH MTV TM & DV sơn Huỳnh Minh (NPP của Cty TNHH Sơn Ringo Việt Nam)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý: Huỳnh Đông (Gò Dầu), Thế Hùng (Tân Biên), Phát Hồ (Trảng Bàng)		604.545		604.545	604.545
	Sơn	Sơn ngoại thất: RINGO - Naga Che lấp khe nứt (18 lít)	Thùng	12-14m^2/L/L		Công ty TNHH MTV TM & DV sơn Huỳnh Minh (NPP của Cty TNHH Sơn Ringo Việt Nam)	Việt Nam		Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý: Huỳnh Đông (Gò Dầu), Thế Hùng (Tân Biên), Phát Hồ (Trảng Bàng)		2.013.636		2.013.636	2.013.636
	Sơn	Sản phẩm sơn phủ nội thất: SKEY S600	lít	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		299.091	299.091	299.091	299.091
	Sơn	Sản phẩm sơn phủ nội thất: SKEY S600	lít	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		956.364	956.364	956.364	956.364
	Sơn	Sản phẩm sơn phủ nội thất: GOECO S610	lít	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		584.545	584.545	584.545	584.545
	Sơn	Sản phẩm sơn phủ nội thất: GOECO S610	lít	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		1.895.455	1.895.455	1.895.455	1.895.455
	Sơn	Sản phẩm sơn phủ nội thất, bóng: TANI CLEAN S620	lít	QCVN 16:2019/BXD	1L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		314.545	314.545	314.545	314.545
	Sơn	Sản phẩm sơn phủ nội thất, bóng: TANI CLEAN S620	lít	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Skey Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		1.355.455	1.355.455	1.355.455	1.355.455
	Sơn	Sơn giao thông: Sơn giao thông lót	kg	TCVN 2102:2008	04kg/ lon 16kg/thùng	Công ty Cổ phần L,Q Joton	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		105.455	105.455	105.455	105.455
	Sơn	Sơn giao thông: Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn (JFPT25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty Cổ phần L,Q Joton	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		30.864	30.864	30.864	30.864

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Sơn	Sơn giao thông: Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn (JFPV25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty Cổ phần L,Q Joton	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		32.585	32.585	32.585	32.585
	Sơn	Sơn giao thông: Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPT25)	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty Cổ phần L,Q Joton	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		43.200	43.200	43.200	43.200
	Sơn	Sơn giao thông: Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPV25)	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty Cổ phần L,Q Joton	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		45.600	45.600	45.600	45.600
	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA MSG (40kg)	bao	TCVN 7239:2014		Công ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại chân công trình toàn tỉnh		330.091	330.091	330.091	330.091
	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA (40kg)	bao	TCVN 7239:2014		Công ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại chân công trình toàn tỉnh		308.000	308.000	308.000	308.000
	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CITY (40kg)	bao	TCVN 7239:2014		Công ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại chân công trình toàn tỉnh		473.636	473.636	473.636	473.636
	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA MSG (40kg)	bao	TCVN 7239:2014		Công ty TNHH KOVA NANOPRO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại chân công trình toàn tỉnh		445.909	445.909	445.909	445.909
	Sơn	Bột trét cao cấp ngoại và nội thất ENRIC ĐA NĂNG	Bao 40 kg	TCCS 02:2020/DURA-BT		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		483.000	483.000	483.000	483.000
	Sơn	Bột trét cao cấp ngoại thất ZURIK CHỐNG THẤM	Bao 40 kg	TCCS 02:2020/DURA-BT		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		423.000	423.000	423.000	423.000
	Sơn	Bột trét cao cấp nội thất ZURIK CHỐNG NẤM MỐC TỐI ƯU	Bao 40 kg	TCCS 02:2020/DURA-BT		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		356.000	356.000	356.000	356.000
	Sơn	Bột trét ngoại thất VETONIC	Bao 40 kg	TCCS 02:2020/DURA-BT		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		348.000	348.000	348.000	348.000
	Sơn	Bột trét nội thất VETONIC	Bao 40 kg	TCCS 02:2020/DURA-BT		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		311.000	311.000	311.000	311.000
	Sơn	Sơn nội thất cao cấp ENRIC CHỐNG BÁM BẨN	Lon 01 lít	QCVN 16:2019/BXD TCVN ISO 9001:2015/9001:2015		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		219.000	219.000	219.000	219.000
	Sơn	Sơn nội thất cao cấp ENRIC CHỐNG BÁM BẨN	Lon 05 lít	QCVN 16:2019/BXD TCVN ISO 9001:2015/9001:2015		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		1.016.000	1.016.000	1.016.000	1.016.000
	Sơn	Sơn nội thất cao cấp ENRIC CHỐNG BÁM BẨN	Thùng 18 lít	QCVN 16:2019/BXD TCVN ISO 9001:2015/9001:2015		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		3.447.000	3.447.000	3.447.000	3.447.000
	Sơn	Sơn nội thất - không cần sơn lót ZURIK NỘI THẤT DỄ LAU CHÙI	Lon 01 lít	QCVN 16:2019/BXD TCVN ISO 9001:2015/9001:2015		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		170.000	170.000	170.000	170.000
	Sơn	Sơn nội thất - không cần sơn lót ZURIK NỘI THẤT DỄ LAU CHÙI	Lon 05 lít	QCVN 16:2019/BXD TCVN ISO 9001:2015/9001:2015		Công ty TNHH Sơn DURA Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		845.000	845.000	845.000	845.000
	Sơn	Bột trét tường ngoại thất MORICHI	bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam		Giá bán và bao vận chuyển tại trung tâm TP. Tây Ninh		445.455			
	Sơn	Bột trét tường nội thất MORICHI	bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam		Giá bán và bao vận chuyển tại trung tâm TP. Tây Ninh		339.091			
	Sơn	Sơn ngoại thất MORICHI	lon	QCVN 16:2019/BXD	05L	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam		Giá bán và bao vận chuyển tại trung tâm TP. Tây Ninh		1.766.364			
	Sơn	Sơn nội thất MORICHI	lon	QCVN 16:2019/BXD	05L	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam		Giá bán và bao vận chuyển tại trung tâm TP. Tây Ninh		1.365.455			
	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp MORICHI GARNET kháng khuẩn	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam		Giá bán và bao vận chuyển tại trung tâm TP. Tây Ninh		1.505.455			
	Sơn	Sơn chống thấm đa năng MORICHI LOCK	thùng	QCVN 16:2019/BXD	20KG	CTY CP SƠN ICHI VIỆT NAM	Việt Nam		Giá bán và bao vận chuyển tại trung tâm TP. Tây Ninh		3.059.091			
6	Sơn	Levis Expert Interior Plus - T15	Thùng	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	18L	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh, không bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		850.000	850.000	850.000	850.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Sơn	Lavisson Amsterdam Sammy	Thùng	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	17L	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh, không bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		1.422.730	1.422.730	1.422.730	1.422.730
	Sơn	Lavisson Amsterdam Extra White	Thùng	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	17L	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh, không bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		1.659.100	1.659.100	1.659.100	1.659.100
	Sơn	Masterpiece - T350 - Sơn nội thất lau chùi hiệu quả bề mặt mờ	Thùng	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	18L	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh, không bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000
	Sơn	Masterpiece - T550 - Sơn nội thất lau chùi hiệu quả bề mặt bóng	Thùng	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	18L	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh, không bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		3.950.000	3.950.000	3.950.000	3.950.000
	Sơn	Sammy Eco Tex	Thùng	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	23KG	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh, không bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		1.845.460	1.845.460	1.845.460	1.845.460
	Sơn	DULUX WEATHERSHIELD Bề mặt mờ - sơn ngoài nhà	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)- Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		339.091	339.091	339.091	339.091
	Sơn	DULUX WEATHERSHIELD Bề mặt mờ - sơn ngoài nhà	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)- Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		1.521.818	1.521.818	1.521.818	1.521.818
	Sơn	DULUX WEATHERSHIELD Bề mặt mờ - sơn ngoài nhà	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	15 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)- Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000
	Sơn	Unimax siêu bóng ngoại thất	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)- Công Ty CP Sơn và chống thấm Việt Nhật	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		218.182	218.182	218.182	218.182
	Sơn	Unimax siêu bóng ngoại thất	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	5 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)- Công Ty CP Sơn và chống thấm Việt Nhật	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		1.084.545	1.084.545	1.084.545	1.084.545
	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời GOLDSUN (nhóm màu chuẩn)	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		321.818	321.818	321.818	321.818
	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời GOLDSUN (nhóm màu chuẩn)	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	5 lít	Công ty TNHH Nhà Đẹp Cát Tường (Nhà phân phối)- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		1.571.818	1.571.818	1.571.818	1.571.818
	Sơn	SƠN SPEC EKP SƠN NỘI THẤT LÁNG MỊN 18L	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		1.264.000	1.264.000	1.264.000	1.264.000
	Sơn	SƠN SPEC EKP SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI VƯỢT TRỘI 18L	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		1.780.000	1.780.000	1.780.000	1.780.000
	Sơn	SƠN SPEC EKP SƠN NGOẠI THẤT BẢO VỆ HOÀN HẢO 18L	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		2.273.000	2.273.000	2.273.000	2.273.000
	Sơn	SƠN SPEC EKP SƠNNGOẠI THẤT THÁCH THỨC THỜI TIẾT 18L	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		3.409.000	3.409.000	3.409.000	3.409.000
	Sơn	SƠN LÓT CHỐNG KIỀM NGOẠI THẤT CAO CẤP	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		2.350.000	2.350.000	2.350.000	2.350.000
	Sơn	SƠN LÓT CHỐNG KIỀM NỘI THẤT CAO CẤP	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		1.364.000	1.364.000	1.364.000	1.364.000
	Sơn	BỘT TRÉT SPEC EKO NỘI THẤT CAO CẤP	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		277.000	277.000	277.000	277.000
	Sơn	BỘT TRÉT SPEC EKO NỘI NGOẠI THẤT CAO CẤP	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		345.000	345.000	345.000	345.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Sơn	BỘT TRÉT SPEC EKO NGOẠI THẤT CAO CẤP	Thùng	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		Công ty TNHH CK XD Hảo Thành Công (NPP CN Cty 4 Orange .co.LTP)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		373.000	373.000	373.000	373.000
	Sơn	Sơn nội thất Sơn Kotso	Lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KOTPAINT Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		42.460	42.460	42.460	42.460
	Sơn	Sơn nội thất Sơn Kotvix	Lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KOTPAINT Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		75.400	75.400	75.400	75.400
	Sơn	Sơn nội thất Sơn Kotlite Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KOTPAINT Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		107.000	107.000	107.000	107.000
	Sơn	Sơn nội thất Sơn Kotclean	Lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KOTPAINT Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		202.000	202.000	202.000	202.000
	Sơn	Sơn nội thất Sơn Kotsmart	Lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KOTPAINT Việt Nam	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		218.000	218.000	218.000	218.000
	Thép xây dựng	Thép gân (Thép vằn) (POMINA CB300): Thép tròn đặc Φ6 Pomina	kg			Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		15.364	15.364	15.364	15.364
	Thép xây dựng	Thép gân (Thép vằn) (POMINA CB300): Thép tròn đặc Φ8 Pomina	kg			Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		15.364	15.364	15.364	15.364
	Thép xây dựng	Thép gân (Thép vằn) (POMINA CB300): Thép gân Φ10 Pomina CB300	cây		6,25 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		96.636	96.636	96.636	96.636
	Thép xây dựng	Thép gân (Thép vằn) (POMINA CB300): Thép gân Φ12 Pomina CB300	cây		9,77 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		149.636	149.636	149.636	149.636
	Thép xây dựng	Thép gân (Thép vằn) (POMINA CB300): Thép gân Φ14 Pomina CB300	cây		13,45 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		206.000	206.000	206.000	206.000
	Thép xây dựng	Thép gân (Thép vằn) (VINAKYOEI): Thép tròn đặc Φ6 Vinakyoei	kg			Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		15.364	15.364	15.364	15.364
	Thép xây dựng	Thép gân (Thép vằn) (VINAKYOEI): Thép tròn đặc Φ8 Vinakyoei	kg			Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		15.364	15.364	15.364	15.364
	Thép xây dựng	Thép gân (Thép vằn) (VINAKYOEI): Thép gân Φ10 Vinakyoei	cây		6,93 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		107.455	107.455	107.455	107.455

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 14x14 (0,7 li)	cây		1,74 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		32.273	32.273	32.273	32.273
	Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 14x14 (0,8 li)	cây		1,97 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		36.545	36.545	36.545	36.545
	Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 14x14 (0,9 li)	cây		2,19 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		40.636	40.636	40.636	40.636
	Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 14x14 (1,1 li)	cây		2,63 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		156.364	156.364	156.364	156.364
	Thép xây dựng	Thép hình (HOA SEN): Ống thép mạ kẽm HS 16x16 (0,9 li)	cây		2,53 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		46.909	46.909	46.909	46.909
	Thép xây dựng	Thép hình (ỐNG THÉP MẠ KẼM HÒA PHÁT): Ống thép mạ kẽm HP 14x14 (0,7 li)	cây		1,74 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		31.600	31.600	31.600	31.600
	Thép xây dựng	Thép hình (ỐNG THÉP MẠ KẼM HÒA PHÁT): Ống thép mạ kẽm HP 14x14 (0,8 li)	cây		1,97 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		35.800	35.800	35.800	35.800
	Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm NK 13x26 (0,7 li)	cây		2,20 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		39.000	39.000	39.000	39.000
	Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm NK 13x26 (0,8 li)	cây		2,54 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		45.000	45.000	45.000	45.000
	Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm NK 13x26 (0,9 li)	cây		2,89 kg/cây	Công ty TNHH SX XD TM và DV Huỳnh Anh	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển (vận chuyển tuỳ thuộc vào giá trị đơn hàng và địa điểm giao hàng)		50.700	50.700	50.700	50.700
	Thép xây dựng	Sắt Φ 6 Nhật	kg		6.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		16.045	16.045	16.045	16.045
	Thép xây dựng	Sắt Φ 8 Nhật	kg		8.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		16.045	16.045	16.045	16.045
	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật	cây		11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		112.636	112.636	112.636	112.636
	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 gân Nhật	cây		11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		160.545	160.545	160.545	160.545
	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 gân Nhật	cây		11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh		218.364	218.364	218.364	218.364
8	Thép xây dựng	Thép cuộn (VAS): Thép cuộn 6mm (CB240T)	kg	TCVN 1661-1:2008		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn (VASG)	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		15.250	15.250	15.250	15.250

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Thép xây dựng	Thép cuộn (VAS): Thép cuộn 8mm (CB240T)	kg	TCVN 1661-1:2008		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn (VASG)	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		15.250	15.250	15.250	15.250
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn (VAS): Thép thanh vằn 10mm (Gr40)	kg	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn (VASG)	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		15.420	15.420	15.420	15.420
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn (VAS): Thép thanh vằn 12-20mm (CB300V/Gr40)	kg	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn (VASG)	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		15.320	15.320	15.320	15.320
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn (VAS): Thép thanh vằn 10mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn (VASG)	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		15.200	15.200	15.200	15.200
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn (VAS): Thép thanh vằn 12-32mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn (VASG)	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		15.100	15.100	15.100	15.100
	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 36 mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1661-2:2008 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn (VASG)	Việt Nam		Giá bán chưa bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		15.400	15.400	15.400	15.400
	Thép xây dựng	Thép dày mã kẽm khổ 1200, độ dày 5,8	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		21.400	21.400	21.400	21.400
	Thép xây dựng	Thép dày mã kẽm khổ 1200, độ dày 7.5	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		20.900	20.900	20.900	20.900
	Thép xây dựng	Thép dày mã kẽm khổ 1200, độ dày 11.5	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		20.450	20.450	20.450	20.450
	Thép xây dựng	Thép hộp mã kẽm Z080: 13mmx26mmx0.7mmx6.0m	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		49.667	49.667	49.667	49.667
	Thép xây dựng	Thép hộp mã kẽm Z080: 13mmx26mmx0.8mmx6.0m	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		56.330	56.330	56.330	56.330
	Thép xây dựng	Thép hộp mã kẽm Z080: 13mmx26mmx0.9mmx6.0m	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		62.993	62.993	62.993	62.993
	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm X080:21mmx1.1mmx6.0m	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		65.400	65.400	65.400	65.400
	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080:21mmx1.4mmx6.0m	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		54.600	54.600	54.600	54.600
	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080:27mmx1.1mmx6.0m	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		55.400	55.400	55.400	55.400
	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080:27mmx1.4mx6.0m	cây	ASTMA653/A653M-20	cây 6m	Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		104.600	104.600	104.600	104.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070, khổ 1200, độ dày 2.5	m	IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		69.000	69.000	69.000	69.000
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070, khổ 1200, độ dày 3.0	m	IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		76.000	76.000	76.000	76.000
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070, khổ 1200, độ dày 3.5	m	IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		84.000	84.000	84.000	84.000
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070, khổ 1200, độ dày 4.0	m	IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		93.500	93.500	93.500	93.500
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070, khổ 1200, độ dày 4.5	m	IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		103.500	103.500	103.500	103.500
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070, khổ 1200, độ dày 5.0	m	IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		113.000	113.000	113.000	113.000
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100, khổ 1200, độ dày 3.0		IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		80.000	80.000	80.000	80.000
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100, khổ 1200, độ dày 3.5		IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		87.500	87.500	87.500	87.500
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100, khổ 1200, độ dày 4.0		IJSG 3302:2019 số SP		Công ty CPTD Hoa Sen- CN Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		97.500	97.500	97.500	97.500
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói 10	Viên	QCVN 16:2019/BXD	433x320x13.5mm	Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		25.926	25.926	25.926	25.926
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói 22	Viên	QCVN 16:2019/BXD	335x214x11 mm	Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		15.278	15.278	15.278	15.278
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói nóc	Viên	QCVN 16:2019/BXD	380x225/192x14.5 mm	Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		29.630	29.630	29.630	29.630
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói nóc cuối	Viên	QCVN 16:2019/BXD	385x186x14.5 mm	Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh		52.778	52.778	52.778	52.778
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ70 Phủ AF: 0.25mmx1200mm TCT G550	kg/m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn POMINA	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		66.471	66.471	66.471	66.471
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ70 Phủ AF: 0.30mmx1200mm TCT G550	kg/m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn POMINA	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		71.144	71.144	71.144	71.144
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 Phủ AF: 0.35mmx1200mm TCT G550	kg/m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn POMINA	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		87.059	87.059	87.059	87.059
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 Phủ AF: 0.40mmx1200mm TCT G550	kg/m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn POMINA	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		97.497	97.497	97.497	97.497
	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 Phủ AF: 0.45mmx1200mm TCT G550	kg/m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn POMINA	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		106.519	106.519	106.519	106.519
	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V	mét	TCVN 6610-3	VC-0,50 (F 0,80)-300/500 V	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Giá bán là đơn giá giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh		2.250	2.250	2.250	2.250
10	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V	mét	TCVN 6610-3	VC-1,00 (F1,13)-300/500 V	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Giá bán là đơn giá giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh		3.730	3.730	3.730	3.730

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	mét	TC AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1 kV	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Giá bán là đơn giá giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh		4.260	4.260	4.260	4.260
	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	mét	TC AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1 kV	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Giá bán là đơn giá giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh		6.020	6.020	6.020	6.020
	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)	mét	TC AS/NZS 5000.1	VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1 kV	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Giá bán là đơn giá giao hàng tại công trình trên địa bàn tỉnh		7.710	7.710	7.710	7.710
	Vật tư ngành điện	VCm-1.5 (1x30/0.25) - 450/750V	mét	TCVN 6610-3	100 mét/cuộn	Công ty CP Dây Cáp điện DAPHACO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		5.839	5.839	5.839	5.839
	Vật tư ngành điện	VCm-2.5 (1x50/0.25) - 450/750V	mét	TCVN 6610-4	100 mét/cuộn	Công ty CP Dây Cáp điện DAPHACO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		9.351	9.351	9.351	9.351
	Vật tư ngành điện	VCm-4 (1x56/0.3) - 450/750V	mét	TCVN 6610-5	100 mét/cuộn	Công ty CP Dây Cáp điện DAPHACO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		14.460	14.460	14.460	14.460
	Vật tư ngành điện	VCm-6 (1x84/0.3) - 450/750V	mét	TCVN 6610-6	100 mét/cuộn	Công ty CP Dây Cáp điện DAPHACO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		21.907	21.907	21.907	21.907
	Vật tư ngành điện	VCm-10 - 0.6/1kV	mét	AS/NZS 5000.1	Theo yêu cầu	Công ty CP Dây Cáp điện DAPHACO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		39.465	39.465	39.465	39.465
	Vật tư ngành điện	VCm-16 - 0.6/1kV	mét	AS/NZS 5000.1	Theo yêu cầu	Công ty CP Dây Cáp điện DAPHACO	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		58.225	58.225	58.225	58.225
	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x0.5mm2 (2x16/0,2) - 0,6/1kV	mét	AS/NZS 5000.1: 2005	VCmd	Việt Thái	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		4.070	4.070	4.070	4.070
	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x0.75mm2 (2x24/0,2) - 0,6/1kV	mét	AS/NZS 5000.1: 2005	VCmd	Việt Thái	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		5.720	5.720	5.720	5.720
	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x1mm2 (2x32/0,2) - 0,6/1kV	mét	AS/NZS 5000.1: 2005	VCmd	Việt Thái	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		7.370	7.370	7.370	7.370
	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x1.5mm2 (2x30/0,25) - 0,6/1kV	mét	AS/NZS 5000.1: 2005	VCmd	Việt Thái	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		10.450	10.450	10.450	10.450
	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x2.5mm2 (2x50/0,25) - 0,6/1kV	mét	AS/NZS 5000.1: 2005	VCmd	Việt Thái	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		16.940	16.940	16.940	16.940
	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmo 2x0.75mm2 (2x24/0,2) - 300/500V	mét	AS/NZS 5000.1: 2005	Vcmo	Việt Thái	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6.710	6.710	6.710	6.710
	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (60w - 69w): KT 605x295x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000
	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (70w - 79w): KT 605x295x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		8.800.000	8.800.000	8.800.000	8.800.000
	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (80w - 89w): KT 605x295x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		9.100.000	9.100.000	9.100.000	9.100.000
	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (90w - 99w): KT 605x295x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		9.400.000	9.400.000	9.400.000	9.400.000
	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (100w - 109w): KT 605x295x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (110w - 119w): KT 605x295x150	bộ			Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô thị Số 1	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường LED MURA – S – 40W (3000K, 4000K, 5000K) (Dimming 5 cấp công suất) Công nghệ Dali điều khiển thông minh ILCS 4.0	Bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	LED MURA NIKKON MALAYSIA, IP66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM 79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		5.692.500	5.692.500	5.692.500	5.692.500
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường LED MURA – M – 60W (3000K, 4000K, 5000K) (Dimming 5 cấp công suất) Công nghệ Dali điều khiển thông minh ILCS 4.0	Bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	LED MURA NIKKON MALAYSIA, IP66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM 79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường LED MURA – M – 80W (3000K, 4000K, 5000K) (Dimming 5 cấp công suất) Công nghệ Dali điều khiển thông minh ILCS 4.0	Bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	LED MURA NIKKON MALAYSIA, IP66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM 79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		7.837.500	7.837.500	7.837.500	7.837.500
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường LED MURA – M – 90W (3000K, 4000K, 5000K) (Dimming 5 cấp công suất) Công nghệ Dali điều khiển thông minh ILCS 4.0	Bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	LED MURA NIKKON MALAYSIA, IP66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM 79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		8.867.700	8.867.700	8.867.700	8.867.700
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường LED MURA – M – 100W (3000K, 4000K, 5000K) (Dimming 5 cấp công suất) Công nghệ Dali điều khiển thông minh ILCS 4.0	Bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	LED MURA NIKKON MALAYSIA, IP66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM 79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		9.900.000	9.900.000	9.900.000	9.900.000
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường LED MURA – L – 120W (3000K, 4000K, 5000K) (Dimming 5 cấp công suất) Công nghệ Dali điều khiển thông minh ILCS 4.0	Bộ	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)	LED MURA NIKKON MALAYSIA, IP66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM 79	Công ty TNHH SX TM DV Đại Quang Phát	MALAYSIA		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		10.725.000	10.725.000	10.725.000	10.725.000
	Vật tư ngành điện	ĐÈN BULB DÂY TÓC 4W 3000K. Model BFE2704G45.	Cái	TCVN11844:2017	100 cái/thùng	Công ty TNHH Vương Quang An	Trung Quốc		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		50.000	50.000	50.000	50.000
	Vật tư ngành điện	ĐÈN BULB DÂY TÓC 6W 3000K. Model BFE2706A60.	Cái	TCVN11844:2017	100 cái/thùng	Công ty TNHH Vương Quang An	Trung Quốc		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		61.818	61.818	61.818	61.818
	Vật tư ngành điện	ĐÈN BULB TRÒN 3W - 3000K. Model BRE27033.	Cái	TCVN11844:2017	100 cái/thùng	Công ty TNHH Vương Quang An	Trung Quốc		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		34.091	34.091	34.091	34.091
	Vật tư ngành điện	ĐÈN BULB TRÒN 3W - 6500K. Model BRE27036.	Cái	TCVN11844:2017	100 cái/thùng	Công ty TNHH Vương Quang An	Trung Quốc		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		34.091	34.091	34.091	34.091
	Vật tư ngành điện	ĐÈN BULB TRÒN 5W - 3000K. Model BRE27053.	Cái	TCVN11844:2017	100 cái/thùng	Công ty TNHH Vương Quang An	Trung Quốc		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		40.909	40.909	40.909	40.909
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-50W	Bộ		90-264VAC, 50W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000
12	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-60W	Bộ		90-264VAC, 60W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-70W	Bộ		90-264VAC, 70W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-80W	Bộ		90-264VAC, 80W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-90W	Bộ		90-264VAC, 90W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		8.600.000	8.600.000	8.600.000	8.600.000
	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-100W	Bộ		90-264VAC, 100W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Công ty Cổ phần giải pháp cơ điện MES	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		8.800.000	8.800.000	8.800.000	8.800.000
	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		570.000	570.000	570.000	570.000
	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		617.500	617.500	617.500	617.500
	Vật tư ngành điện	Đế gang DP03 cho cột thép (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400
	Vật tư ngành điện	Đế DP01 (lắp cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800
	Vật tư ngành điện	Đế gang củ tỏi DP04 cho cột thép (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000
	Vật tư ngành điện	Đế gang DP02 cho cột thép (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600
	Vật tư ngành điện	Đế gang PINE cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000
	Vật tư ngành điện	Đế gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Công ty TNHH Thiết bị Điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên toàn tỉnh		5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800
	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D 25 - PN 12,5- Dày 2 mm	m			Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, chưa bao gồm chi phí vận chuyển		9.790	9.790	9.790	9.790
	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D 25 - PN 16 - Dày 2,3 mm	m			Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, chưa bao gồm chi phí vận chuyển		11.690	11.690	11.690	11.690
	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D 25 - PN 20 - Dày 3 mm	m			Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, chưa bao gồm chi phí vận chuyển		13.690	13.690	13.690	13.690
	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D 27 - PN 16 - Dày 3,2 mm	m			Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, chưa bao gồm chi phí vận chuyển		15.600	15.600	15.600	15.600
	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D 32 - PN 10 - Dày 2 mm	m			Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, chưa bao gồm chi phí vận chuyển		13.140	13.140	13.140	13.140
	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D 32 - PN 12,5 - Dày 2,4 mm	m			Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, chưa bao gồm chi phí vận chuyển		16.040	16.040	16.040	16.040
	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE100 D 32 - PN 16 - Dày 3 mm	m			Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, chưa bao gồm chi phí vận chuyển		18.760	18.760	18.760	18.760
13	Vật tư ngành nước	Ống UPVC đường kính 21mm x 1.7mm (17 bar)	mét	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVVN 16:2017/BXD (hệ inch)		Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ Huế đến Tây Ninh		9.600	9.600	9.600	9.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Vật tư ngành nước	Ống UPVC đường kính 27mm x 1,8mm (14 bar)	mét	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVVN 16:2017/BXD (hệ inch)		Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ Huế đến Tây Ninh		12.600	12.600	12.600	12.600
	Vật tư ngành nước	Ống UPVC đường kính 34mm x 1.9mm (12 bar)	mét	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVVN 16:2017/BXD (hệ inch)		Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ Huế đến Tây Ninh		16.900	16.900	16.900	16.900
	Vật tư ngành nước	Ống UPVC đường kính 42mm x 2,1mm (10 bar)	mét	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVVN 16:2017/BXD (hệ inch)		Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ Huế đến Tây Ninh		23.100	23.100	23.100	23.100
	Vật tư ngành nước	Ống UPVC đường kính 49mm x 2,4mm (10 bar)	mét	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVVN 16:2017/BXD (hệ inch)		Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ Huế đến Tây Ninh		30.200	30.200	30.200	30.200
	Vật tư ngành nước	Ống UPVC đường kính 49mm x 2,0mm (8 bar)	mét	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVVN 16:2017/BXD (hệ inch)		Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ Huế đến Tây Ninh		26.100	26.100	26.100	26.100
	Vật tư ngành nước	Ống UPVC đường kính 60mm x 3.0mm(10 bar)	mét	TCVN 8491-2:2011&ISO 1452-2:2009/QVVN 16:2017/BXD (hệ inch)		Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	Việt Nam		Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ Huế đến Tây Ninh		46.400	46.400	46.400	46.400
	Cát xây dựng	Cát xây dựng - cát vàng, cát trắng (cát thô)	m^3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh	Việt Nam		Giao tại bãi K1 và K9 huyện Dương Minh Châu				245.000	
	Cát xây dựng	Cát xây dựng	m^3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH TM DV Phú Quân	Việt Nam		Giao tại bãi cát Phú Quân huyện Dương Minh Châu				245.000	
	Cát xây dựng	Cát vàng - hạt thô	m^3	TCVN 7570:2006		DNTN Hải Hà	Việt Nam		Giao tại bãi huyện Tân Châu					272.727
	Cát xây dựng	Cát vàng - hạt thô	m^3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Đạt	Việt Nam		Giao tại bãi Tp. Tây Ninh, TX Trảng Bàng		227.273		227.273	
	Cát xây dựng	Cát vàng - hạt thô	m^3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ - Nhà cung cấp CN2 Cty TNHH Việt Úc (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Giao trung tâm TP. Tây Ninh		320.000			
	Cát xây dựng	Cát vàng - hạt thô	m^3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Toàn Tâm- Nhà cung cấp CN2 Cty TNHH Việt Úc(Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Giao trung tâm thị trấn Châu Thành			370.000		
	Cát xây dựng	Cát vàng - hạt thô	m^3	QCVN 16:2019/BXD		Cửa hàng VLXD Tòng Thành Đạt- Nhà cung cấp CN2 Cty TNHH Việt Úc (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Giao trung tâm thị trấn Tân Biên					320.000
	Cát xây dựng	Cát vàng - hạt thô	m^3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Hải Đăng Khoa- Nhà cung cấp CN2 Cty TNHH Việt Úc (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Giao trung tâm thị trấn Bến Cầu			310.000		
	Cát xây dựng	Cát xây dựng	m^3			Công ty TNHH Mai Nguyên- Nhà cung cấp DNTN Hải Hà	Việt Nam		Giao tại bến cảng huyện Hoà Thành		410.000			
	Đá xây dựng	Đá 0x4 (loại 2)	m^3			Công ty TNHH Mai Nguyên- Nhà cung cấp Cty TNHH Khai thác tài nguyên Lợi Lộc	Việt Nam		Giao tại bến cảng huyện Hoà Thành		295.000			
	Đá xây dựng	Đá 4x6 (loại 2)	m^3			Công ty TNHH Mai Nguyên- Nhà cung cấp Cty TNHH Khai thác tài nguyên Lợi Lộc	Việt Nam		Giao tại bến cảng huyện Hoà Thành		350.000			
	Đá xây dựng	Đá mi bụi (loại 2)	m^3			Công ty TNHH Mai Nguyên- Nhà cung cấp Cty TNHH Khai thác tài nguyên Lợi Lộc	Việt Nam		Giao tại bến cảng huyện Hoà Thành		280.000			
	Đá xây dựng	Đá 1x2	m^3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn Tp. Tây Ninh		400.000			
	Đá xây dựng	Đá 4x6	m^3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn Tp. Tây Ninh		390.000			
	Đá xây dựng	Đá 0x4	m^3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn Tp. Tây Ninh		350.000			

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Đá xây dựng	Đá 1x2	m^3			Công ty TNHH Toàn Tâm - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Châu Thành			390.000		
	Đá xây dựng	Đá 4x6	m^3			Công ty TNHH Toàn Tâm - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Châu Thành			370.000		
	Đá xây dựng	Đá 0x4	m^3			Công ty TNHH Toàn Tâm - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Châu Thành			360.000		
	Đá xây dựng	Đá 1x2	m^3			Cửa hàng VLXD Tòng Thành Đạt (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Tân Biên					420.000
	Đá xây dựng	Đá 4x6	m^3			Cửa hàng VLXD Tòng Thành Đạt - Nhà cung cấp đá Lộc Trung(Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Tân Biên					400.000
	Đá xây dựng	Đá 0x4	m^3			Cửa hàng VLXD Tòng Thành Đạt - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Tân Biên					340.000
	Đá xây dựng	Đá 1x2 (loại 2)	m^3			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Bến Cầu			440.000		
	Đá xây dựng	Đá 4x6 (loại 2)	m^3			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Bến Cầu			360.000		
	Đá xây dựng	Đá 0x4	m^3			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa - Nhà cung cấp đá Lộc Trung (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm phí vận chuyển tại trung tâm thị trấn Bến Cầu			260.000		
	Đất san lấp	Đất san lấp	m^3			Công ty TNHH Minh Tân	Việt Nam		Tại hầm ở huyện Gò Dầu (không bao gồm chi phí khai thác)				66.000	
	Đất san lấp	Đất san lấp	m^3			Công ty TNHH Tuấn Vy	Việt Nam		Giá tại hầm ở TX. Trảng Bàng và chưa bao gồm chi phí vận chuyển				109.090	
	Xi măng	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (vỏ bao PP)	Tấn	TCVN 6260:2009	Bao 50 kg	Công ty CP Xi măng VICEM Hà Tiên - XN TT&DV Xi măng VICEM Hà Tiên	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại huyện Tân Biên, Gò Dầu, Châu Thàn, thị xã Hoà Thành		1.467.593		1.377.778	1.373.148
	Xi măng	XM Vicem Hà Tiên Đa dụng (vỏ bao PP)	Tấn	TCVN 6260:2009	Bao 50 kg	Công ty CP Xi măng VICEM Hà Tiên - XN TT&DV Xi măng VICEM Hà Tiên	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển tại huyện Tân Biên, Gò Dầu, Châu Thàn, thị xã Hoà Thành		1.421.296		1.373.148	1.326.852
	Xi măng	Xi măng Fico PCB40	Bao		Bao 50 kg	Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến trung tâm huyện, thị xã			90.000		
	Xi măng	Xi măng Fico PCB40	Bao		Bao 50 kg	Cửa hàng VLXD Quốc Toàn(Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến trung tâm huyện, thị xã					89.000
	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	Bao		Bao 50 kg	Doanh nghiệp tư nhân Lầu Chí Khường(Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến trung tâm huyện, thị xã		95.000			
	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	Bao		Bao 50 kg	Cửa hàng VLXD Phương Thảo(Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ)	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến trung tâm huyện, thị xã				95.000	
	Trần, vách thạch cao	KHUNG TRẦN NỔI_LÊ TRẦN GYPTEE: Thanh trần GYPTEE FUT_T 3.66m	Thanh	ASTM (Hoa Kỳ)	3660*38*24*0.27 ±0.02	Công ty TNHH MTV TM DV Sơn Huỳnh Minh	Việt Nam		Hàng giao tại kho Công ty Huỳnh Minh ở TP. Tây Ninh		54.510			
	Trần, vách thạch cao	KHUNG TRẦN NỔI_LÊ TRẦN GYPTEE: Thanh trần GYPTEE FUT_T 1.22m	Thanh	ASTM (Hoa Kỳ)	1220*28*24*0.27 ±0.02	Công ty TNHH MTV TM DV Sơn Huỳnh Minh	Việt Nam		Hàng giao tại kho Công ty Huỳnh Minh ở TP. Tây Ninh		17.480			

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Trần, vách thạch cao	KHUNG TRẦN NỔI_LÊ TRẦN GYPTEE: Thanh trần GYPTEE FUT_T 0.61m	Thanh	ASTM (Hoa Kỳ)	610*28*24*0.27 ±0.02	Công ty TNHH MTV TM DV Sơn Huỳnh Minh	Việt Nam		Hàng giao tại kho Công ty Huỳnh Minh ở TP. Tây Ninh		8.970			
	Trần, vách thạch cao	Thanh trần CEILTEK UDT_T 3.66m	Thanh		3660*38*15*0.30 ±0.02	Công ty TNHH MTV TM DV Sơn Huỳnh Minh	Việt Nam		Hàng giao tại kho Công ty Huỳnh Minh ở TP. Tây Ninh		67.390			
	Trần, vách thạch cao	Thanh trần CEILTEK UDT_T 1.22m	Thanh		1220*38*15*0.30 ±0.02	Công ty TNHH MTV TM DV Sơn Huỳnh Minh	Việt Nam		Hàng giao tại kho Công ty Huỳnh Minh ở TP. Tây Ninh		23.460			
	Trần, vách thạch cao	Thanh trần CEILTEK UDT_T 0.61m	Thanh		610*38*15*0.30 ±0.02	Công ty TNHH MTV TM DV Sơn Huỳnh Minh	Việt Nam		Hàng giao tại kho Công ty Huỳnh Minh ở TP. Tây Ninh		12.535			
	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line (Khung phổ thông), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m^2	ASTM C635		Công ty Cổ phần Công nghiệp Vạn Phát Hưng	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn , giá trên chưa bao gồm chi phí lắp đặt		110.000	110.000	110.000	110.000
	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line (Khung phổ thông), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m^2	ASTM C635		Công ty Cổ phần Công nghiệp Vạn Phát Hưng	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		125.000	125.000	125.000	125.000
	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line (Khung rãnh đen, không ngã tư), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m^2	ASTM C635		Công ty Cổ phần Công nghiệp Vạn Phát Hưng	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		119.000	119.000	119.000	119.000
	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line (Khung rãnh đen, không ngã tư), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m^2	ASTM C635		Công ty Cổ phần Công nghiệp Vạn Phát Hưng	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		136.000	136.000	136.000	136.000
	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng T-Bar Black (Khung màu đen), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m^2	ASTM C635		Công ty Cổ phần Công nghiệp Vạn Phát Hưng	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		122.000	122.000	122.000	122.000
	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi SuperKhung trần nổi Vạn Phát Hưng T-Bar Black (Khung màu đen), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m^2	ASTM C635		Công ty Cổ phần Công nghiệp Vạn Phát Hưng	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		136.000	136.000	136.000	136.000
	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line (Khung rãnh đen có ngã tư), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m^2	ASTM C635		Công ty Cổ phần Công nghiệp Vạn Phát Hưng	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		119.000	119.000	119.000	119.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh &2 cánh (kèm chia đố giữa/ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhom 2.0 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.815.000	2.815.000	2.815.000	2.815.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh &2 cánh (kèm chia đố giữa/ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhom 1.4 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.570.000	2.570.000	2.570.000	2.570.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh &2 cánh (kèm chia đố giữa/ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhom 1.2 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh &2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhôm 2.0 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.815.000	2.815.000	2.815.000	2.815.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh &2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhôm 1.4 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.570.000	2.570.000	2.570.000	2.570.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa đi mở/ lùa 1 cánh &2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhôm 1.2 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.150.000	2.150.000	2.150.000	2.150.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhôm 2.0mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhôm 1.4 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành o5 năm, độ dày nhôm 1.2 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Vách kính/khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Vách kính/khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
	Nhôm kính	Hệ NS-55: Vách kính/khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm Kính trắng Công nghiệp Hạ Long-CFG dày 5mm	m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh		1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
	Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 20 (9,5 KN/m)	m2		4m*250m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		17.713	17.713	17.713	17.713
	Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 30 (11,5 KN/m)	m2		4m*225m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		20.740	20.740	20.740	20.740
	Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 40 (13,5 KN/m)	m2		4m*200m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		23.184	23.184	23.184	23.184
17	Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 50 (15,0 KN/m)	m2		4m*175m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		25.540	25.540	25.540	25.540

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng			
											Khu vực TP. Tây Ninh - Hòa Thành	Khu vực H. Châu Thành - Bến Cầu	Khu vực Dương Minh Châu - Gò Dầu - Trảng Bàng	Khu vực H. Tân Biên - Tân Châu
	Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 60 (19,0 KN/m)	m2		4m*135m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		31.631	31.631	31.631	31.631
	Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 65 (21,5 KN/m)	m2		4m*125m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		35.756	35.756	35.756	35.756
	Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 70 (24,5 KN/m)	m2		4m*100m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		41.242	41.242	41.242	41.242
	Vải địa	Vải địa kỹ thuật Polyfelt TS 80 (28,0 KN/m)	m2		4m*90m	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		49.590	49.590	49.590	49.590
	Rọ đá và thảm đá bọc nhựa PVC	Dây đan 2.2/3.2 mm- Dây viền 2.7/3.7 mm **(mắc lưới P8)**	m2		Thảm mạ kẽm trung bình>50g/m2 (TCVN2053:1993)	Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		50.317	50.317	50.317	50.317
	Rọ đá và thảm đá bọc nhựa PVC	Dây đan 2.4/3.4 mm- Dây viền 2.7/3.7 mm**(mắc lưới P8)**	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		53.621	53.621	53.621	53.621
	Rọ đá và thảm đá bọc nhựa PVC	Dây đan 2.7/3.7 mm- Dây viền 3.4/4.4 mm **(mắc lưới P8)**	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		63.019	63.019	63.019	63.019
	Rọ đá và thảm đá bọc nhựa PVC	Dây đan 2.2/3.2 mm- Dây viền 2.7/3.7 mm **(mắc lưới P10)**	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		46.998	46.998	46.998	46.998
	Rọ đá và thảm đá bọc nhựa PVC	Dây đan 2.4/3.4 mm- Dây viền 2.7/3.7 mm**(mắc lưới P10)**	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		50.414	50.414	50.414	50.414
	Rọ đá và thảm đá bọc nhựa PVC	Dây đan 2.7/3.7 mm- Dây viền 3.4/4.4 mm **(mắc lưới P10)**	m2			Công ty Cổ phần SX TM Liên Phát	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên toàn tỉnh Tây Ninh		55.453	55.453	55.453	55.453